

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HS-ST

Ngày: 24 - 01 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Biên.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Vui.

2. Ông Nguyễn Tiến Rật.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Tuấn Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Trần Thế Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 89/2021/HSST ngày 28 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Đ - Sinh năm 1981 tại Thôn Tân Thành, xã Yên Thái, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Nơi ĐKKHKT: Thôn Tân Thành, xã Yên Thái, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái
Nơi cư trú: Xóm Phương Đê, xã Nghĩa Lợi, huyện N, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; giới tính: Nam; con ông: Nguyễn Văn Sửu, sinh năm 1949 và Trần Thị Hương, sinh năm 1952, cả hai đều làm ruộng tại xã Nghĩa Lợi, huyện N, tỉnh Nam Định; vợ: Phạm Thị Nhuận, sinh năm 1984, làm ruộng tại xã Nghĩa Thành (ly hôn năm 2003) và Phạm Thị Thanh, sinh năm 1984, làm ruộng tại xã Yên Thái, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (ly hôn năm 2013); con: có 03 con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền sự: Không; tiền án: Ngày 11/11/2019, bị Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 15 tháng tù về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Ngày 17/10/2020 chấp hành xong hình phạt tù. Bị cáo Nguyễn Văn Đ bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 9/11/2021 cho đến nay. Hiện đang tạm giam tại nhà tạm giữ công an Huyện N cho đến nay; có mặt.

** Người bị hại:*

1. Chị Trần Thị Luyến – Sinh năm: 1976;

Nơi cư trú: Đội 16, xã Nghĩa Bình, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

2. Anh Đoàn Văn Thanh – Sinh năm 1954;

Nơi cư trú: Đội 13, xã Nghĩa Bình, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

3. Anh Trần Văn Tiến – Sinh năm 1991;

Nơi cư trú: Đội 8, xã Nghĩa Tân, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

** Người liên quan:* Anh Nguyễn Văn Tường – Sinh năm: 1981;

Nơi cư trú: Đội 7, xã Nghĩa Tân, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Viện Kiểm Sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo về hành vi phạm tội: Khoảng 03 giờ sáng, ngày 03/11/2021, Nguyễn Văn Đ đi bộ từ nhà ở xóm Phương Đê xã Nghĩa Lợi đến xã Nghĩa Bình theo đường Quốc lộ 21B, mục đích tìm nhà nào sơ hở để trộm cắp tài sản, bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Khi đến khu vực chợ xã Nghĩa Bình, Đ thấy 02 xe lôi ba bánh để cạnh nhau của bà Trần Thị Luyến, sinh năm 1976, ở Đội 16, xã Nghĩa Bình và ông Đoàn Văn Thanh, sinh năm 1954, ở Đội 13, xã Nghĩa Bình. Đ cho một chiếc xe lôi nhỏ để lên trên chiếc xe lôi lớn rồi kéo về nhà theo đường Quốc lộ 21B. Khi đến khu vực xóm 8, xã Nghĩa Tân, Đ phát hiện có 2 tấm cốt pha, mỗi tấm có kích thước 1,2 x 0,5 x 0,1m của anh Trần Văn Tiến, sinh năm 1991, ở Đội 8, xã Nghĩa Tân để ở đường không có người trông coi, Đ lấy hai tấm cốt pha bỏ lên xe lôi rồi chở đi bán toàn bộ số tài sản trộm cắp được cho anh Nguyễn Văn Tường, sinh năm 1981, ở xóm 7, xã Nghĩa Tân lấy 800.000 đồng và ăn tiêu hết.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 20/HĐ-ĐGTS ngày 10/11/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Huyện N xác định 02 xe lôi ba bánh tự dựng và 02 tấm cốt pha có tổng giá trị là 2.200.000 đồng (Hai triệu hai trăm nghìn đồng).

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, Nguyễn Văn Đ đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 07/CT-VKS ngày 28/12/2021 của Viện Kiểm Sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Tại phiên toà hôm nay đại diện VKSND huyện N giữ nguyên quan điểm truy tố theo như tội danh và điều luật đã nêu. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị áp dụng khoản 1 Điều

173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; của BLHS năm 2015 xử phạt Nguyễn Văn Đ từ 12 tháng đến 15 tháng tù; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo; đề nghị áp dụng Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để buộc bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay qua xét hỏi và tranh luận bị cáo Nguyễn Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa;

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp

[2] Về định tội: Bị cáo Nguyễn Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Khoảng 3 giờ sáng, ngày 03/11/2021, Nguyễn Văn Đ đã có hành vi lén nút trộm cắp 02 xe lôi của bà Trần Thị Luyến và ông Đoàn Văn Thanh ở khu vực chợ thuộc xã Nghĩa Bình rồi kéo về nhà theo đường Quốc lộ 21B. Khi Đ đi đến khu vực xóm 8, xã Nghĩa Tân, thấy 02 tấm cốp pha bằng sắt để vệ đường của anh Trần Văn Tiến, Đ lấy bỏ lên xe lôi rồi kéo đi tiêu thụ lấy lấy 800.000 đồng ăn tiêu hết. Tổng giá trị giá Đ chiếm đoạt của người bị hại là 2.200.000 đồng. Giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt lớn hơn 2.000.000 đồng. Do đó bị cáo đã phạm tội “ Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015.

Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo ra trước Tòa án nhân dân huyện N để xét xử bị cáo với tội danh và điều luật như đã viện dẫn là có căn cứ.

Hành vi của bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, đó là quyền bất khả xâm phạm được pháp luật quy định và bảo vệ trong bộ luật hình sự, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội trong khu vực, làm ảnh hưởng đến nếp sống văn hoá của khu dân cư. Vì vậy việc đưa bị cáo ra xét xử công khai là cần thiết nhằm góp phần vào việc đấu tranh phòng chống tội phạm, giữ gìn kỷ cương tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa và răn đe phòng ngừa chung.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì thấy:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 11/11/2019, bị Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 15 tháng tù về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Ngày 17/10/2020 chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa được xoá án tích nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử bị cáo Nguyễn Văn Đ đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Nguyễn Văn Đ được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Tuy nhiên, thấy cần phải cách ly để tập trung giáo dục, cải tạo bị cáo một thời gian nhất định mới có thể cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 173 BLHS quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng”, do đó bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên toà cho thấy bị cáo làm nông nghiệp, không có thu nhập ổn định, đang ở cùng với gia đình, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Đối với 02 chiếc xe lôi đã trả lại cho bà Trần Thị Luyến, ông Đoàn Văn Thạnh và 02 tấm cốp pha cho anh Trần Văn Tiến là chủ sở hữu. Bà Luyến, ông Thạnh và anh Tiến không có đề nghị thêm nên không đặt ra xem xét.

[6] Đối với hành vi của Nguyễn Xuân Tường mua 02 chiếc xe lôi, 02 tấm cốp pha của Nguyễn Văn Đ nhưng không biết là tài sản do Đ trộm cắp mà có nên không có căn cứ xử lý bằng pháp luật. Còn về phần dân sự, anh Tường không yêu cầu Đ phải trả lại số tiền 800.000 đồng nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[8] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS năm 2015.

Căn cứ Điều 106; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Căn cứ Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.
2. Xử phạt Nguyễn Văn Đ 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09 tháng 11 năm 2021.

3. Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai có mặt bị cáo, vắng mặt người bị hại. Bị cáo quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án và người được thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hạn thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKS nhân dân Tỉnh + huyện;
- Công an huyện;
- Cơ quan thi hành án dân sự;
- Bị cáo;
- Án văn + lưu hồ sơ;
- Thi hành án phạt tù.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Văn Biên